

MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI CHƯƠNG

GV có thể tham khảo ba đề dưới đây để ra đề kiểm tra (1 tiết).

ĐỀ 1

1. Viết công thức nhân hai lũy thừa cùng cơ số.

Áp dụng : Tính $(-0,5)^3 \cdot (-0,5)$.

2. Thực hiện phép tính (bằng cách hợp lí nếu có thể)

a) $\frac{15}{34} + \frac{7}{21} + \frac{19}{34} - \frac{20}{15} + \frac{3}{7}$;

b) $16\frac{2}{7} : \left(-\frac{3}{5}\right) - 28\frac{2}{7} : \left(-\frac{3}{5}\right)$

c) $2\frac{1}{2} + \frac{4}{7} : \left(-\frac{8}{9}\right)$;

d) $6 - 3 \cdot \left(-\frac{1}{3}\right)^3$.

3. Tìm x, biết : $\frac{3}{4} + \frac{2}{5}x = \frac{29}{60}$.

4. Trong hai số 2^{600} và 3^{400} , số nào lớn hơn ?

Đáp án và biểu điểm

1. Xem SGK.

Áp dụng : $(-0,5)^3 \cdot (-0,5) = (-0,5)^4 = 0,0625$.

2. a) $\frac{3}{7}$; b) 20; c) $1\frac{6}{7}$; d) $6\frac{1}{9}$.

3. $x = -\frac{2}{3}$.

4. $2^{600} = (2^3)^{200} = 8^{200}$; $3^{400} = (3^2)^{200} = 9^{200}$.

Vậy $3^{400} > 2^{600}$.

Câu 1 : 1 điểm; Câu 2 : 6 điểm; Câu 3 : 2 điểm; Câu 4 : 1 điểm.

ĐỀ 2

1. Viết công thức tính lũy thừa của một thương.

Áp dụng : Tính $\left(-\frac{3}{4}\right)^3$.

2. Thực hiện phép tính (bằng cách hợp lí nếu có thể)

a) $\frac{2}{5} \cdot \left(-\frac{7}{8}\right) - \frac{1}{5}$;

b) $\frac{3}{4} \cdot 26\frac{1}{5} - \frac{3}{4} \cdot 44\frac{1}{5}$.

c) $2 - 1,8 : (-0,75)$;

d) $3 \cdot \left(-\frac{1}{3}\right)^3 + \frac{1}{3}$.

3. Tìm các số a, b, c, biết $\frac{a}{3} = \frac{b}{2} = \frac{c}{5}$ và $a - b + c = -10,2$.

4. Tìm x và y, biết rằng :

$$(x - 0,2)^{10} + (y + 3,1)^{20} = 0.$$

Đáp án và biểu điểm

1. Xem SGK.

Áp dụng : $\left(\frac{-3}{4}\right)^3 = \frac{(-3)^3}{4^3} = -\frac{27}{64}$.

2. a) $-\frac{11}{20}$; b) $-13\frac{1}{2}$; c) 4,4; d) $\frac{2}{9}$.

3. $a = -5,1$; $b = -3,4$; $c = -8,5$.

4. $x = 0,2$; $y = -3,1$.

Câu 1 : 1 điểm; Câu 2 : 6 điểm; Câu 3 : 2 điểm; Câu 4 : 1 điểm.

ĐỀ 3

1. Thế nào là căn bậc hai của một số a không âm ?

Áp dụng : Tính $\sqrt{(-7)^2}$.

2. Thực hiện phép tính (bằng cách hợp lí nếu có thể)

a) $\frac{1}{7} - \left(-\frac{3}{14}\right) + \frac{1}{2}$;

b) $\frac{2}{5} + \frac{1}{5} \cdot \left(-\frac{3}{4}\right)$

c) $-3,75 \cdot (-7,2) + 2,8 \cdot 3,75$;

d) $1 : \left(\frac{2}{3} - \frac{3}{4}\right)^2$.

3. Tìm x trong tỉ lệ thức

$$2\frac{3}{4}x = 3\frac{1}{7} : 0,01.$$

4. Ước lượng giá trị của biểu thức sau (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất) :

$$M = \frac{\sqrt{86}}{2,8 \cdot 16,18}.$$

Đáp án và biểu điểm

1. Xem SGK.

Áp dụng : Tính $\sqrt{(-7)^2} = 7$.

2. a) $\frac{6}{7}$;

b) $\frac{1}{4}$;

c) 37,5;

d) 144.

3. $x = \frac{800}{7} = 114\frac{2}{7}$.

4. $M = \frac{\sqrt{86}}{2,8 \cdot 16,18} \approx \frac{9}{3 \cdot 16} = \frac{3}{16} \approx \frac{1}{5} = 0,2$.

Vậy $M \approx 0,2$ (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất).

Câu 1 : 1 điểm; Câu 2 : 6 điểm; Câu 3 : 2 điểm; Câu 4 : 1 điểm.